

Bản án số: 103/2021/HSST  
Ngày: 18 - 6 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Bá Thành

Bà Phạm Thị Vui

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/HSST-QĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Sìn Văn N**      Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 20/12/1964 tại tỉnh Đ.

Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/10 PT; Con ông: Sìn Văn H - sinh năm 1930 và bà: Lò Thị Á (đã chết); Bị cáo có vợ là Lò Thị Q - sinh năm 1967 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1999); Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/9/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 26/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Bị cáo đã chấp hành xong các bản án, được coi là đương nhiên xóa án tích). Bị tạm giữ từ ngày 31/12/2020 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt).

2. Họ và tên: **Sìn Văn D**      Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 05/6/1989 tại tỉnh Đ.

Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12 PT; Con ông: Sìn Văn N -

sinh năm 1964 (là bị cáo trong cùng vụ án) và bà: Lò Thị Q - sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Bị cáo đã chấp hành xong bản án, được coi là đương nhiên xóa án tích). Bị tạm giữ từ ngày 31/12/2020 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Sìn Văn N:* Ông Nguyễn Quang Kh - sinh năm 1953. Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Sìn Văn D:* Bà Bùi Thúy A - sinh năm 1993. Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 31/12/2020, tổ công tác phòng PC04 Công an tỉnh Điện Biên phối hợp với Đoàn Biên phòng Mường Pồn và Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên đang làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố 01, phường Th, thành phố Đ, phát hiện chiếc xe ô tô hiệu CHERVOLET màu trắng BKS 27A- 033.xx do Sìn Văn D đang điều khiển trên xe chở Sìn Văn N và Lò Thị B đi từ hướng Bến xe khách tỉnh Điện Biên về khu vực Tượng đài chiến thắng Đ có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện thu giữ trong túi quần bên phải đang mặc của Sìn Văn N 01 gói bằng nilon màu xanh trong có các cục chất bột màu trắng; thu giữ trong túi áo khoác của Sìn Văn D đang mặc 01 gói bằng nilon màu trắng bên trong có 24 viên nén màu hồng, trên một mặt mỗi viên có chữ WY. Sìn Văn N khai chất bột màu trắng là Heroine và viên nén là hồng phiến, toàn bộ số ma túy bị thu giữ của N và D đều là ma túy của N, do N mua về sử dụng cho bản thân, tuy nhiên sau đó N đưa đã cho D 24 viên nén để D sử dụng. D không biết việc N cất giấu Heroine.

Quá trình điều tra Sìn Văn N khai nhận: Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do ngày 28/12/2020 N đi đến thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên gặp và mua của Thàng Vàng L trú tại Bản Đ, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên với giá 4.500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy bị cáo đã sử dụng một ít Heroine và 06 viên hồng phiến bằng hình thức đốt hút qua mảnh giấy bạc. Trong thời gian từ ngày 29/12/2020 đến ngày 31/12/2020 một mình N đã sử dụng hết 20 viên hồng phiến và 2 đến 3 phân Heroine. Đến sáng ngày 31/12/2020 N dùng một mảnh nilon màu xanh gói cục Heroine lại thành một gói và cất trong túi quần bên phải đang mặc, 24 viên hồng phiến còn lại N sử dụng mảnh nilon màu trắng gói lại thành một gói rồi đưa cho D nói là cầm đi để sử dụng. D cầm và cất gói hồng phiến trong túi áo khoác bên trái đang mặc. Sau đó D điều khiển xe ô tô BKS 27A- 033.xx chở Sìn Văn N, Lò Thị B, Cà Văn H đi xuống thành phố Đ chơi. Khi đến nhà Cà Văn H thì H xuống xe. Khi xe đến khu vực tổ dân phố 1, phường Th thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói chứa chất bột màu trắng có khối lượng 2,57 gam, 01 gói có chứa 24 viên nén màu hồng có khối lượng 2,3 gam; 01 điện thoại cầm ứng

hiệu OPPO của Sìn Văn N, 01 điện thoại cảm ứng hiệu Sam Sung của Sìn Văn D; 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, BKS 27A- 033.xx; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Hoàng Trung K; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô giữa Hoàng Trung K và Cà Văn H; tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành là 24.215.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sìn Văn N; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sìn Văn D; 01 giấy phép lái xe của Sìn Văn D.

Tại bản kết luận giám định số 92/GĐ-PC09 ngày 05/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Sìn Văn N gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine. Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Sìn Văn D gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Sìn Văn N là 2,3 gam. Khối lượng vật chứng thu giữ của Sìn Văn D là 2,57 gam. Heroine, Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, 323 mục IA, IIC, Danh mục I, II Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSTPĐBP ngày 15/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Sìn Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS; truy tố bị cáo Sìn Văn D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2, Điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 1,84 gam Heroine; 2,36 gam Methamphetamine vật chứng còn lại sau giám định và 01 mảnh nilon màu xanh, 01 mảnh nilon màu trắng. Trả lại cho bị cáo Sìn Văn N một chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Người bào chữa cho bị cáo N không tranh luận gì về tội danh và điều luật, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề xuất đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét đến hoàn cảnh gia đình, kém hiểu biết pháp luật và thái độ thành khẩn của bị cáo, bổ đề của bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo D không tranh luận gì về tội danh và điều luật, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề xuất đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét đến hoàn cảnh gia đình và thái độ thành khẩn của bị cáo, ông nội bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 /BLHS đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các bị cáo không bổ sung gì về phần bào chữa của người bào chữa.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với nhau và với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 16 giờ 30 phút ngày 31/12/2020 tại khu vực tổ dân phố 01, phường Th, thành phố Đ, Sìn Văn N có hành vi cất giấu trái phép trên người 2,3 gam Heroine, Sìn Văn D có hành vi cất giấu trái phép trên người 2,57 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Do bị cáo N thừa nhận việc mình mua toàn bộ số mua túy bao gồm cả số ma túy thu giữ của bị cáo D nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng của toàn bộ các chất ma túy bị thu giữ là 4,87 gam. Do bị cáo D không biết việc bị cáo N mua và tàng trữ số Heroine nên D chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 2,57 gam Methamphetamine mà mình tàng trữ. Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS. Hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tính tổ chức vì giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể. Bị cáo N là người trực tiếp mua ma túy, trực tiếp tàng trữ số Heroine và đưa số hồng phiến cho bị cáo D

cất giấu nên có vai trò chính. Bị cáo D là người thực hành trong việc tàng trữ ma túy, không biết việc bị cáo N tàng trữ Heroine.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52/BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Đối với bị cáo Sìn Văn N có bố đẻ được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Dương đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51/BLHS đối với bị cáo Dương. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì đề nghị này là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, có nhân thân xấu. Đều đã từng bị Tòa án nhân dân xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Cụ thể:

Đối với bị cáo N: Ngày 18/9/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 26/11/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo D: Ngày 07/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các bản án, được coi là đương nhiên xóa án tích.

Tuy nhiên do thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện để thay đổi bản thân nên vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của các bị cáo, đồng thời thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cho các bị cáo có thời gian cai nghiện để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với mức hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát nên được chấp nhận.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người

bào chữa không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì không có khả năng thi hành.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Đối với 2,3 gam Heroine thu giữ của bị cáo N (sau khi trích mẫu gửi giám định còn lại 1,84 gam); 2,57 gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo D (sau khi trích mẫu gửi giám định còn lại 2,36 gam) là vật chứng Nhà nước cấm tàng trữ; 01 mảnh nilon màu xanh, 01 mảnh nilon màu trắng là vật dùng gói ma túy không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Đối với chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo N. Bị cáo khai dùng điện thoại để liên lạc mua bán ma túy, tuy nhiên không có chứng cứ để chứng minh nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS.

Đối với: 01 chiếc điện thoại cảm ứng hiệu Sam Sung của Sìn Văn D; 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, BKS 27A- 033.xx; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Hoàng Trung K; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô giữa Hoàng Trung K và Cà Văn H; tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành là 24.215.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sìn Văn N; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sìn Văn D; 01 giấy phép lái xe của Sìn Văn D. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô và các giấy tờ liên quan đến xe là của anh Cà Văn H, không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo. Số tiền mặt, giấy CMND của bị cáo N; điện thoại, giấy CMND, giấy phép lái xe của bị cáo D không liên quan đến việc phạm tội, liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu, việc trả lại tài sản là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[5]. Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng bị cáo N khai đã bán ma túy, quá trình điều tra Thành Vàng L không thừa nhận đã bán ma túy cho N, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu nào chứng minh cho việc đó, do vậy Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không có cơ sở xác minh làm rõ, không đề cập giải quyết trong vụ án nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý, không triệu tập L tham gia tố tụng và xét hỏi tại phiên tòa.

Đối với bà Lò Thị B là người đi cùng xe ô tô do bị cáo D điều khiển, không biết và không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên hội đồng xét xử không triệu tập tham gia tố tụng và xét hỏi tại phiên tòa.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng và người bào chữa. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Công an thành

phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và người bào chữa đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên do các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Sìn Văn N và Sìn Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sìn Văn N 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (31/12/2020).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sìn Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (31/12/2020).

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 1,84 gam Heroine; 2,36 gam Methamphetamine vật chứng còn lại sau giám định và 01 mảnh nilon màu xanh, 01 mảnh nilon màu trắng (đã niêm phong).

Trả lại cho bị cáo Sìn Văn N một chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng.

*(Vật chứng đã được Công an thành phố Điện Biên Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2021).*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2021).

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nhà tạm giữ CATP ĐBP;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

***(Đã ký)***

**Nguyễn Thị Minh Huệ**